TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 116, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 477/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 11/10 Lầu 2 Tân Hàng, Phường 10, Quận N, Thành phố H.

- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 354/11 đường T, tổ 7, Khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2008 ngày 05/11/2008. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng

đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T xác nhận có 02 con chung tên: Phạm Trần Hải Y (nữ), sinh ngày 01/8/2009 và Phạm Trần Hải Đ (nam), sinh ngày 19/12/2011. Cả hai thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.500.000 đồng/trẻ. Việc thỏa thuận nuôi con giữa ông B và bà T là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố H cấp ngày 05/11/2008).

- Về con chung: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T có 02 con chung là Phạm Trần Hải Y (nữ), sinh ngày 01/8/2009 và Phạm Trần Hải Đ (nam), sinh ngày 19/12/2011. Cả hai thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng)/trẻ.

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/01/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông Phạm Thanh B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Ông Phạm Thanh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị Thanh T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0013761 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.H;
- Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thơm.TK).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân